



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN - HÀ NỘI

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

đã được kiểm toán



CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN
AUDITING AND ACCOUNTING FINANCIAL CONSULTANCY SERVICE COMPANY LTD. (AASC)

A member of  International. A world-wide network of independent accounting firms and business advisers
Thành viên HLB Quốc tế. Mạng lưới quốc tế các hãng kiểm toán và tư vấn quản trị chuyên nghiệp

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN - HÀ NỘI

Tầng 1&3, Tòa nhà Trung tâm Hội nghị Công Đoàn,
Số 1 Yết Kiêu, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

NỘI DUNG

	<u>Trang</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	02-03
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	04
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	05-26
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	05-07
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	08
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	09-10
BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU	11
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	12-26

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN - HÀ NỘI

Tầng 1&3, Tòa nhà Trung tâm Hội nghị Công Đoàn,
Số 1 Yết Kiêu, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội thành lập và hoạt động theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 66/UBCK; Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh Chứng khoán số 13/UBCK-GPHĐKD ngày 18 tháng 05 năm 2010; Giấy phép Điều chỉnh số 35/GPĐC-UBCK ngày 08 tháng 06 năm 2011 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp.

Trụ sở chính của Công ty tại: Tầng 1&3, Tòa nhà Trung tâm Hội nghị Công Đoàn, Số 1 Yết Kiêu, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Đỗ Quang Hiền	Chủ tịch
Ông Nguyễn Văn Lê	Phó Chủ tịch
Ông Phạm Hồng Thái	Phó Chủ tịch
Ông Nguyễn Quang Vinh	Ủy viên
Bà Đinh Thị Tiểu Phương	Ủy viên
Ông Nguyễn Công Sứ	Ủy viên
Ông Trần Thoại	Ủy viên
Ông Phạm Ngọc Lâm	Ủy viên

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Hoàng Đình Lợi	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 06/05/2011
	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 06/05/2011
Ông Nguyễn Quang Vinh	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 01/05/2011
Ông Bùi Quang Bách	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 19/07/2011
Bà Bùi Thị Minh Tâm	Phó Tổng Giám đốc	

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Phạm Thị Bích Hồng	Trưởng ban
Bà Đàm Ngọc Bích	Ủy viên
Ông Lương Đức Chính	Ủy viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán (AASC) đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN - HÀ NỘI

Tầng 1&3, Tòa nhà Trung tâm Hội nghị Công Đoàn,
Số 1 Yết Kiêu, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2011, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 09/2010/TT-BTC ngày 15/01/2010 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Bùi Thị Minh Tâm

Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 09 tháng 01 năm 2012

31353-C
C. TY
CHU HAN
TU VAN
KE TOAN
M. TP. HA



Số: 192 /2012/BC.KTTC-AASC.KT2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011
của Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội

Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội được lập ngày 09 tháng 01 năm 2012, gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ, Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu và Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 được trình bày từ trang 05 đến trang 26 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các Báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các Báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính
Kế toán và Kiểm toán (AASC)



Ngô Đức Đoàn
Tổng Giám đốc
Chứng chỉ Kiểm toán viên số: Đ0052/KTV

Hà Nội, ngày 08 tháng 03 năm 2012

Nguyễn Tuấn Anh
Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số: 1369/KTV

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN - HÀ NỘI

Tầng 1&3, Tòa nhà Trung tâm Hội nghị Công Đoàn,
Số 1 Yết Kiêu, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		1.083.455.889.893	1.938.613.080.962
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	153.344.465.161	249.789.096.622
111	1. Tiền		153.344.465.161	249.789.096.622
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	5	374.714.830.140	873.162.912.808
121	1. Đầu tư ngắn hạn		546.879.387.725	950.453.481.557
129	2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn		(172.164.557.585)	(77.290.568.749)
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		419.790.513.677	791.552.322.476
131	1. Phải thu của khách hàng		351.500.000	1.926.538.482
132	2. Trả trước cho người bán		9.247.701.828	3.130.452.697
135	4. Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán		-	7.495.580.422
138	5. Các khoản phải thu khác	6	518.792.022.291	778.999.750.875
139	6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(108.600.710.442)	-
140	IV. Hàng tồn kho	7	80.486.940	126.236.143
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		135.525.593.975	23.982.512.913
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		323.283.637	-
154	3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	8	12.188.448.530	12.188.448.530
158	5. Tài sản ngắn hạn khác	9	123.013.861.808	11.794.064.383
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		93.038.227.041	97.113.957.612
220	II. Tài sản cố định		16.866.536.590	23.068.586.439
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	6.120.395.954	9.023.849.561
222	- Nguyên giá		16.122.552.060	15.454.691.626
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(10.002.156.106)	(6.430.842.065)
227	3. Tài sản cố định vô hình	11	10.746.140.636	14.044.736.878
228	- Nguyên giá		18.710.729.138	18.130.209.850
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(7.964.588.502)	(4.085.472.972)
250	IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	12	66.306.000.000	66.306.000.000
253	3. Đầu tư chứng khoán dài hạn		66.900.000.000	66.900.000.000
259	5. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		(594.000.000)	(594.000.000)
260	V. Tài sản dài hạn khác		9.865.690.451	7.739.371.173
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	13	6.830.839.546	4.118.331.486
263	3. Tiền nộp quỹ hỗ trợ thanh toán	14	2.301.929.567	1.235.721.602
268	4. Tài sản dài hạn khác		732.921.338	2.385.318.085
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		1.176.494.116.934	2.035.727.038.574

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2011	01/01/2011
			VND	VND
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		433.202.777.332	875.205.324.581
310	I. Nợ ngắn hạn		433.061.630.516	875.046.587.765
311	1. Vay và nợ ngắn hạn	15	250.000.000.000	567.500.000.000
312	2. Phải trả người bán		73.073.451	2.167.596.712
313	3. Người mua trả tiền trước		1.266.849.000	1.483.349.000
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	16	260.781.100	1.660.488.256
315	5. Phải trả người lao động		1.152.610.250	1.468.033.106
316	6. Chi phí phải trả	17	19.739.735.489	12.642.601.224
319	8. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	18	158.564.326.971	285.105.477.359
320	9. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	19	222.908.779	1.292.352.832
321	10. Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu		455.364.000	688.064.048
323	12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		1.298.068.366	1.038.625.228
328	14. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		27.913.110	-
330	II. Nợ dài hạn		141.146.816	158.736.816
333	3. Phải trả dài hạn khác		25.000.000	25.000.000
336	6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm		116.146.816	133.736.816
400	B. VỐN CHỦ SỞ HỮU		743.291.339.602	1.160.521.713.993
410	I. Vốn chủ sở hữu		743.291.339.602	1.160.521.713.993
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	20	1.000.000.000.000	1.000.000.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		108.234.052.000	108.232.552.000
413	3. Vốn khác của chủ sở hữu		7.420.555.826	5.356.947.980
414	4. Cổ phiếu quỹ		(1.550.000.000)	(1.550.000.000)
418	8. Quỹ dự phòng tài chính		7.420.555.826	5.356.947.980
420	10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(378.233.824.050)	43.125.266.033
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		1.176.494.116.934	2.035.727.038.574

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN - HÀ NỘI

Tầng 1&3, Tòa nhà Trung tâm Hội nghị Công Đoàn,
Số 1 Yết Kiêu, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	31/12/2011	01/01/2011
			VND	VND
006	6. Chứng khoán lưu ký		2.790.827.910.000	2.623.165.930.000
007	6.1. Chứng khoán giao dịch		1.821.130.210.000	1.747.638.930.000
008	- CK giao dịch của thành viên lưu ký		109.915.160.000	119.293.670.000
009	- CK giao dịch của khách hàng trong nước		1.711.215.050.000	1.628.345.260.000
012	6.2. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch		660.957.000.000	791.479.280.000
013	- CK tạm ngừng giao dịch của thành viên lưu ký		170.000.010.000	8.370.140.000
014	- CK tạm ngừng giao dịch của khách hàng trong nước		490.956.990.000	783.109.140.000
017	6.3. Chứng khoán cầm cố		275.717.400.000	55.500.000.000
018	- CK cầm cố của thành viên lưu ký		17.600.000.000	55.500.000.000
019	- CK cầm cố của khách hàng trong nước		258.117.400.000	-
027	6.5. Chứng khoán chờ thanh toán		33.023.300.000	27.045.100.000
028	- CK chờ thanh toán của thành viên lưu ký		1.993.000.000	3.412.400.000
029	- CK chờ thanh toán của khách hàng trong nước		31.030.300.000	23.632.700.000
037	6.7. Chứng khoán chờ giao dịch		-	1.373.620.000
038	- CK chờ giao dịch của thành viên lưu ký		-	250.000
039	- CK chờ giao dịch của khách hàng trong nước		-	1.373.370.000
042	6.8. Chứng khoán ký quỹ đảm bảo khoản vay		-	129.000.000
044	- CK ký quỹ đảm bảo khoản vay của khách hàng trong nước		-	129.000.000
050	7. Chứng khoán lưu ký công ty đại chúng chưa niêm yết		55.424.990.000	49.877.350.000
051	7.1. Chứng khoán giao dịch		40.256.680.000	34.335.390.000
053	- CK giao dịch của khách hàng trong nước		40.256.680.000	34.335.390.000
056	7.2. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch		15.111.310.000	14.794.960.000
058	- CK tạm ngừng giao dịch của khách hàng trong nước		15.111.310.000	14.794.960.000
071	7.5. Chứng khoán chờ thanh toán		57.000.000	747.000.000
073	- CK chờ thanh toán của khách hàng trong nước		57.000.000	747.000.000
082	8. Chứng khoán chưa lưu ký của khách hàng		16.304.280.000	16.452.130.000
083	9. Chứng khoán chưa lưu ký của công ty chứng khoán		216.010.850.000	504.156.700.000

Trần Sỹ Tiến
Kế toán trưởng



Bùi Thị Minh Tâm
Phó Tổng Giám đốc

Lập, ngày 09 tháng 01 năm 2012

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN - HÀ NỘITầng 1&3, Tòa nhà Trung tâm Hội nghị Công Đoàn,
Số 1 Yết Kiêu, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2011

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
01	1. Doanh thu	21	225.902.054.093	337.939.190.575
01.1	Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán		8.266.049.010	19.200.923.464
01.2	Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn		81.680.256.888	217.116.791.607
01.3	Doanh thu bảo lãnh phát hành chứng khoán		-	3.839.200.000
01.4	Doanh thu đại lý phát hành chứng khoán		-	2.045.454.545
01.5	Doanh thu hoạt động tư vấn		3.379.742.116	4.224.542.237
01.7	Doanh thu hoạt động ủy thác đầu giá		111.890.266	35.217.895
01.9	Doanh thu khác		132.464.115.813	91.477.060.827
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		17.342.004	319.407.889
10	3. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh		225.884.712.089	337.619.782.686
11	4. Chi phí hoạt động kinh doanh	22	462.060.034.232	250.943.303.338
20	5. Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh		(236.175.322.143)	86.676.479.348
25	6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	23	145.182.169.322	36.654.764.916
30	7. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		(381.357.491.465)	50.021.714.432
31	8. Thu nhập khác		328.366.257	1.970.659
32	9. Chi phí khác		431.556.045	617
40	10. Lợi nhuận khác		(103.189.788)	1.970.042
50	11. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		(381.460.681.253)	50.023.684.474
51	12. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	24	-	8.528.501.906
60	14. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		<u>(381.460.681.253)</u>	<u>41.495.182.568</u>
70	15. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	25	(3.821)	514

Trần Sỹ Tiến
Kế toán trưởngBùi Thị Minh Tâm
Phó Tổng Giám đốc

Lập, ngày 09 tháng 01 năm 2012

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2011

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2011	Năm 2010
			VND	VND
	I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh chứng khoán			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		(381.460.681.253)	50.023.684.474
02	Khấu hao tài sản cố định		7.472.250.550	5.045.570.899
03	Các khoản dự phòng		203.474.699.278	60.601.456.403
04	Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện		-	(223.025.649)
05	Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(173.222.750.565)	(21.549.457.595)
06	Chi phí lãi vay		78.448.345.083	49.675.263.957
08	3. Lợi nhuận kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động		(265.288.136.907)	143.573.492.489
09	Tăng, giảm các khoản phải thu		201.148.453.546	(391.109.852.816)
10	Tăng, giảm hàng tồn kho, chứng khoán đầu tư		225.133.636.303	(776.905.998.994)
11	Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		(129.047.232.759)	236.287.113.693
12	Tăng, giảm chi phí trả trước		(3.035.791.697)	(182.619.279)
13	Tiền lãi vay đã trả		(72.730.456.842)	(37.735.200.790)
14	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		-	(37.856.811.018)
16	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(566.000.000)	(907.929.642)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh chứng khoán		(44.385.528.356)	(864.837.806.357)
	II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(1.272.783.122)	(20.183.299.659)
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		-	(135.000.000.000)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		135.000.000.000	-
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		166.496.985.218	18.521.188.669
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		300.224.202.096	(136.662.110.990)
	III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		-	695.802.552.000
33	3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		486.116.024.580	1.399.124.980.610
34	4. Tiền chi trả nợ gốc vay		(803.616.024.580)	(901.624.980.610)
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(34.783.305.201)	(45.818.627.410)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(352.283.305.201)	1.147.483.924.590
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		(96.444.631.461)	145.984.007.243

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2011

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2011	Năm 2010
			VND	VND
60	Tiền và các khoản tương đương tiền tồn đầu kỳ		249.789.096.622	103.805.089.379
70	Tiền và các khoản tương đương tiền tồn cuối kỳ	4	153.344.465.161	249.789.096.622



Trần Sỹ Tiến
Kế toán trưởng



Bùi Thị Minh Tâm
Phó Tổng Giám đốc

Lập, ngày 09 tháng 01 năm 2012

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN - HÀ NỘITầng 1&3, Tòa nhà Trung tâm Hội nghị Công Đoàn,
Số 1 Yết Kiêu, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

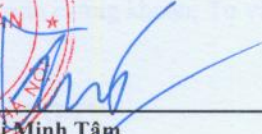
BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

Năm 2011

Năm nay	Thuyết minh	Đầu năm VND	Tăng trong năm VND	Giảm trong năm VND	Cuối năm VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		1.000.000.000.000	-	-	1.000.000.000.000
Thặng dư vốn cổ phần		108.232.552.000	1.500.000	-	108.234.052.000
Vốn khác của chủ sở hữu		5.356.947.980	2.063.607.846	-	7.420.555.826
Cổ phiếu quỹ		(1.550.000.000)	-	-	(1.550.000.000)
Quỹ dự phòng tài chính		5.356.947.980	2.063.607.846	-	7.420.555.826
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		43.125.266.033	(381.460.681.253)	(39.898.408.830)	(378.233.824.050)
CỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU		1.160.521.713.993	(377.331.965.561)	(39.898.408.830)	743.291.339.602

Năm trước	Thuyết minh	Đầu năm VND	Tăng trong năm VND	Giảm trong năm VND	Cuối năm VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		410.629.960.000	589.370.040.000	-	1.000.000.000.000
Thặng dư vốn cổ phần		1.800.040.000	106.432.512.000	-	108.232.552.000
Vốn khác của chủ sở hữu		1.122.209.102	4.234.738.878	-	5.356.947.980
Cổ phiếu quỹ		(1.550.000.000)	-	-	(1.550.000.000)
Quỹ dự phòng tài chính		1.122.209.102	4.234.738.878	-	5.356.947.980
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		57.610.412.291	41.495.182.568	(55.980.328.826)	43.125.266.033
CỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU		470.734.830.495	745.767.212.324	(55.980.328.826)	1.160.521.713.993


Trần Sỹ Tiến
 Kế toán trưởng


Bùi Thị Minh Tâm
 Phó Tổng Giám đốc

Lập, ngày 09 tháng 01 năm 2012

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2011

1 . THÔNG TIN CHUNG

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội thành lập và hoạt động theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 66/UBCK; Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh Chứng khoán số 13/UBCK-GPHĐKD ngày 18 tháng 05 năm 2010; Giấy phép Điều chỉnh số 35/GPĐC-UBCK ngày 08 tháng 06 năm 2011 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp.

Trụ sở chính của Công ty tại: Tầng 1&3, Tòa nhà Trung tâm Hội nghị Công Đoàn, Số 1 Yết Kiêu, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty là: 1.000.000.000.000 VND (Một nghìn tỷ đồng). Tương đương 100.000.000 cổ phần (Một trăm triệu cổ phần), mệnh giá một cổ phần là 10.000 VND.

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

Tên đơn vị	Địa chỉ
- Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	Số 141 - 143 - Hàm Nghi - Phường Nguyễn Thái Bình Quận 1 - Thành phố Hồ Chí Minh.
- Chi nhánh Thành phố Đà Nẵng	Số 97 - Lê Lợi - Phường Thạch Thang - Quận Hải Châu - Thành phố Đà Nẵng.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là: Môi giới chứng khoán; Tự doanh chứng khoán; Tư vấn đầu tư chứng khoán; Bảo lãnh phát hành chứng khoán; Lưu ký chứng khoán.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006 đã được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 của Bộ Tài chính về việc Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán đã được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 của Bộ Tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN - HÀ NỘI

Tầng 1&3, Tòa nhà Trung tâm Hội nghị Công Đoàn,
Số 1 Yết Kiêu, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 03 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho từng khoản phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang: chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo từng công trình chưa hoàn thành hoặc chưa ghi nhận doanh thu.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Máy móc, thiết bị	03 - 07 năm
- Phương tiện vận tải	06 năm
- Thiết bị văn phòng	04 năm
- Phần mềm giao dịch, kế toán	03 - 05 năm

Chứng khoán đầu tư

Chứng khoán đầu tư được ghi nhận theo giá gốc. Cổ tức và trái tức nhận được trong năm tài chính được ghi nhận giảm giá vốn chứng khoán đối với khoản lãi dồn tích trước ngày mua và ghi nhận tăng doanh thu đầu tư đối với phần lãi kể từ ngày mua.

Công ty áp dụng phương pháp bình quân gia quyền di động để tính giá vốn cổ phiếu bán ra và phương pháp đích danh để tính giá vốn trái phiếu bán ra.

Chứng khoán mua bán theo hợp đồng mua/ bán lại

Những tài sản được mua đồng thời cam kết sẽ bán lại vào một thời điểm nhất định trong tương lai (các hợp đồng bán lại) không được ghi tăng trên báo cáo tài chính. Khoản tiền thanh toán theo các hợp đồng bán lại này được ghi nhận là tài sản trên bảng cân đối kế toán và phần chênh lệch giữa giá mua và giá cam kết bán lại được ghi nhận là doanh thu, hoặc khoản phải trả, chờ kết chuyển và được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong suốt thời gian hiệu lực của hợp đồng bán lại.

Những tài sản được bán đồng thời cam kết sẽ mua lại vào một thời điểm nhất định trong tương lai (các hợp đồng mua lại) không được ghi giảm trên báo cáo tài chính. Khoản tiền nhận được theo các hợp đồng mua lại này được ghi nhận là khoản nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán và phần chênh lệch giữa giá bán và giá cam kết mua lại trong tương lai được ghi nhận là tài sản, hoặc chi phí, chờ kết chuyển và được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong suốt thời gian hiệu lực của hợp đồng mua lại.

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là "tương đương tiền";
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn.

Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn, dài hạn

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

Cơ sở trích lập dự phòng: Đối với chứng khoán đã niêm yết là giá chứng khoán thực tế trên thị trường được tính theo giá thực tế trên các Sở giao dịch chứng khoán; tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) là giá giao dịch bình quân tại ngày trích lập dự phòng; tại Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) là giá đóng cửa tại ngày trích lập dự phòng. Đối với các Công ty đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) thì giá chứng khoán thực tế trên thị trường được xác định là giá giao dịch bình quân trên hệ thống tại ngày lập dự phòng. Đối với các Công ty chưa đăng ký giao dịch ở thị trường giao dịch của các công ty đại chúng thì giá chứng khoán thực tế trên thị trường được xác định là giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch được cung cấp tối thiểu bởi ba (03) công ty chứng khoán tại thời điểm lập dự phòng.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

Chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh của một năm tài chính hoặc một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí đã phát sinh trong năm tài chính nhưng liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các niên độ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm Thặng dư vốn cổ phần.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân khác tặng, biếu sau khi trừ (-) các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được tặng, biếu này; và khoản bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi (lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy cổ phiếu quỹ

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Hội đồng quản trị phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có Nghị quyết chia cổ tức của Đại hội đồng cổ đông Công ty.

Ghi nhận doanh thu*Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu về vốn kinh doanh, cổ tức và lợi nhuận được chia

Thu nhập phát sinh từ tiền lãi được ghi nhận trên Báo cáo kết quả kinh doanh trên cơ sở dồn tích.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Các khoản thuế*Thuế hiện hành*

Tài sản thuế và các khoản thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

3. GIÁ TRỊ KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN THỰC HIỆN TRONG NĂM

	Khối lượng giao dịch chứng khoán thực hiện trong năm	Giá trị khối lượng giao dịch chứng khoán thực hiện trong năm
		VND
Của Công ty Chứng khoán	48.602.760	682.117.533.000
- Cổ phiếu	48.602.720	682.117.223.000
- Chứng chỉ quỹ	40	310.000
Của người đầu tư	360.627.390	4.681.925.918.800
- Cổ phiếu	357.647.116	4.387.716.035.800
- Trái phiếu	2.853.104	293.423.800.000
- Chứng chỉ quỹ	127.170	786.083.000
	409.230.150	5.364.043.451.800

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN - HÀ NỘITầng 1&3, Tòa nhà Trung tâm Hội nghị Công Đoàn,
Số 1 Yết Kiêu, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

4 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Tiền	153.344.465.161	249.789.096.622
- Tiền mặt tại quỹ	153.026.429	105.663.642
- Tiền gửi ngân hàng	101.042.877.842	175.273.136.226
- Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán	50.903.130.481	72.443.844.888
- Tiền gửi về bán chứng khoán bảo lãnh phát hành	-	39.827.155
- Tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán	1.245.430.409	1.926.624.711
	153.344.465.161	249.789.096.622

5 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Chứng khoán thương mại	546.879.387.725	774.967.274.825
- Chứng khoán niêm yết	392.632.701.681	637.642.352.033
- Chứng khoán chưa niêm yết	154.246.686.044	137.324.922.792
Đầu tư ngắn hạn khác	-	175.486.206.732
- Tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng	-	135.000.000.000
- Đầu tư ngắn hạn khác	-	40.486.206.732
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)	(172.164.557.585)	(77.290.568.749)
	374.714.830.140	873.162.912.808

(*) Cơ sở trích lập dự phòng giảm giá đối với chứng khoán niêm yết tại Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX) là giá bình quân và đối với chứng khoán niêm yết tại Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) là giá đóng cửa tại ngày lập dự phòng. Đối với các Công ty đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) thì giá chứng khoán thực tế trên thị trường được xác định là giá giao dịch bình quân trên hệ thống tại ngày lập dự phòng. Đối với các Công ty chưa đăng ký giao dịch ở thị trường giao dịch của các công ty đại chúng thì giá chứng khoán thực tế trên thị trường được xác định là giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch được cung cấp tối thiểu bởi ba (03) công ty chứng khoán tại thời điểm lập dự phòng.

6 . CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Phải thu lãi tiền gửi, lãi đầu tư khác	26.484.662.518	18.639.716.171
Phải thu ứng trước quyền nhận tiền bán chứng khoán	31.156.617.857	22.112.645.621
Phải thu khách hàng	-	1.540.001
Phải thu hợp đồng hợp tác đầu tư	457.938.526.663	597.600.755.902
Phải thu tiền đặt cọc mua cổ phiếu	1.500.000.000	81.037.500.000
Phải thu các khoản cổ tức	1.020.000.000	2.139.181.000
Phải thu khác	692.215.253	57.468.412.180
	518.792.022.291	778.999.750.875

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN - HÀ NỘI

Tầng 1&3, Tòa nhà Trung tâm Hội nghị Công Đoàn,
Số 1 Yết Kiêu, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

7 . HÀNG TỒN KHO

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	80.486.940	126.236.143
Cộng giá gốc hàng tồn kho	80.486.940	126.236.143

8 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU NHÀ NƯỚC

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	12.188.448.530	12.188.448.530
	12.188.448.530	12.188.448.530

9 . TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Tạm ứng	122.952.473.308	11.794.064.383
Các khoản thế chấp, ký quỹ, ký cược	61.388.500	-
	123.013.861.808	11.794.064.383

10 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Tài sản cố định khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ				
Số dư đầu năm	11.706.429.589	3.294.576.582	453.685.455	15.454.691.626
Số tăng trong năm	594.086.025	-	98.177.809	692.263.834
- Mua sắm mới	594.086.025	-	98.177.809	692.263.834
Số giảm trong năm	(24.403.400)	-	-	(24.403.400)
- Thanh lý	(24.403.400)	-	-	(24.403.400)
Số dư cuối năm	12.276.112.214	3.294.576.582	551.863.264	16.122.552.060
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Số dư đầu năm	5.106.319.419	1.157.684.651	166.837.995	6.430.842.065
Số tăng trong năm	2.914.314.749	549.096.096	129.724.175	3.593.135.020
- Trích khấu hao	2.914.314.749	549.096.096	129.724.175	3.593.135.020
Số giảm trong năm	(21.820.979)	-	-	(21.820.979)
- Thanh lý	(21.820.979)	-	-	(21.820.979)
Số dư cuối năm	7.998.813.189	1.706.780.747	296.562.170	10.002.156.106
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Số dư đầu năm	6.600.110.170	2.136.891.931	286.847.460	9.023.849.561
Số dư cuối năm	4.277.299.025	1.587.795.835	255.301.094	6.120.395.954

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN - HÀ NỘI

Tầng 1&3, Tòa nhà Trung tâm Hội nghị Công Đoàn,
Số 1 Yết Kiêu, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

11 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm giao dịch, kế toán	Cộng
	VND	VND
NGUYÊN GIÁ		
Số dư đầu năm	18.130.209.850	18.130.209.850
Số tăng trong năm	580.519.288	580.519.288
- Mua sắm mới	580.519.288	580.519.288
Số giảm trong năm	-	-
Số dư cuối năm	18.710.729.138	18.710.729.138
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ		
Số dư đầu năm	4.085.472.972	4.085.472.972
Số tăng trong năm	3.879.115.530	3.879.115.530
- Trích khấu hao	3.879.115.530	3.879.115.530
Số giảm trong năm	-	-
Số dư cuối năm	7.964.588.502	7.964.588.502
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Số dư đầu năm	14.044.736.878	14.044.736.878
Số dư cuối năm	10.746.140.636	10.746.140.636

12 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Đầu tư chứng khoán dài hạn	66.900.000.000	66.900.000.000
- Chứng khoán chưa niêm yết	66.900.000.000	66.900.000.000
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	(594.000.000)	(594.000.000)
	66.306.000.000	66.306.000.000

(*) Cơ sở trích lập dự phòng giảm giá đối với chứng khoán chưa đăng ký giao dịch ở thị trường giao dịch của các công ty đại chúng thì giá chứng khoán thực tế trên thị trường được xác định là giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch được cung cấp tối thiểu bởi ba (03) công ty chứng khoán tại thời điểm lập dự phòng.

13 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Chi phí thành lập doanh nghiệp	-	32.850.004
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	1.163.625.929	1.328.719.487
Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định chờ phân bổ	1.930.041.186	1.010.335.766
Chi phí trả trước dài hạn khác	3.737.172.431	1.746.426.229
	6.830.839.546	4.118.331.486

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN - HÀ NỘI

Tầng 1&3, Tòa nhà Trung tâm Hội nghị Công Đoàn,
Số 1 Yết Kiêu, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

14 . TIỀN NỢP QUỸ HỖ TRỢ THANH TOÁN

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Tiền nộp ban đầu	120.000.000	120.000.000
Tiền nộp bổ sung	2.111.475.846	1.089.718.829
Tiền lãi phân bổ trong năm	70.453.721	26.002.773
Số dư cuối năm	2.301.929.567	1.235.721.602

15 . VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Vay ngắn hạn	-	317.500.000.000
- Vay ngân hàng	-	285.000.000.000
- Vay đối tượng khác	-	32.500.000.000
Nợ ngắn hạn (trái phiếu SHS)	250.000.000.000	250.000.000.000
Cộng	250.000.000.000	567.500.000.000

Thông tin chi tiết liên quan đến khoản nợ ngắn hạn

Hợp đồng mua Trái phiếu SHS_BOND.350.2011 đáo hạn năm 2012 của Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội số 293/2011/SHS/TV-MBTP ngày 30/09/2011 ký giữa Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội và Công ty TNHH Một thành viên Quản lý nợ và Khai thác tài sản Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội, với các thông tin chi tiết như sau:

- | | |
|---------------------------------|---|
| - Loại Trái phiếu | Trái phiếu doanh nghiệp không có tài sản đảm bảo |
| - Mã trái phiếu | SHS_BOND.350.2011 |
| - Hình thức phát hành | Phát hành riêng lẻ |
| - Hình thức trái phiếu | Bút toán ghi sổ |
| - Giá trị trái phiếu phát hành | 250.000.000.000 VND |
| - Số lượng trái phiếu phát hành | 250 trái phiếu |
| - Mệnh giá trái phiếu | 1.000.000.000 VND/trái phiếu |
| - Giá phát hành | 1.000.000.000 VND/trái phiếu |
| - Lãi suất trái phiếu | Điều chỉnh 6 tháng một lần, sáu tháng đầu lãi suất 18%/năm; 6 tháng sau lãi suất thỏa thuận theo thị trường, tối thiểu 18%/năm. |
| - Thanh toán lãi trái phiếu | Trả lãi cuối kỳ |
| - Kỳ hạn trái phiếu | 1 năm kể từ ngày phát hành |

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN - HÀ NỘI

Tầng 1&3, Tòa nhà Trung tâm Hội nghị Công Đoàn,
Số 1 Yết Kiêu, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

16 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	26.315.482	214.541.089
Thuế Thu nhập cá nhân	234.465.618	1.445.947.167
	260.781.100	1.660.488.256

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

17 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Chi phí lãi vay, lãi trái phiếu phải trả	17.769.900.379	12.052.012.138
Thù lao Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát	690.840.889	580.730.000
Chi phí phải trả khác	1.278.994.221	9.859.086
	19.739.735.489	12.642.601.224

18 . CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢ NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	35.959.730	44.400.550
Bảo hiểm xã hội	6.971.800	12.248.340
Bảo hiểm y tế	1.447.158	-
Bảo hiểm thất nghiệp	396.366	-
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	156.440.803.570	282.880.627.179
Phải trả cổ tức cho cổ đông	338.310.369	175.865.570
Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.740.437.978	1.992.335.720
	158.564.326.971	285.105.477.359

19 . PHẢI TRẢ HOẠT ĐỘNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Phải trả Sở (Trung tâm) Giao dịch chứng khoán	38.297.000	789.213.600
Phải trả về chứng khoán giao, nhận đại lý phát hành	184.611.779	380.492.686
Phải trả Trung tâm lưu ký chứng khoán	-	122.646.546
	222.908.779	1.292.352.832

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN - HÀ NỘI

Tầng 1&3, Tòa nhà Trung tâm Hội nghị Công Đoàn,
Số 1 Yết Kiêu, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

20 . VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

a) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	1.000.000.000.000	1.000.000.000.000
- Vốn góp đầu năm	1.000.000.000.000	410.629.960.000
- Vốn góp tăng trong năm	-	589.370.040.000
- Vốn góp cuối năm	1.000.000.000.000	1.000.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	34.945.750.000	45.816.955.520
- Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	34.945.750.000	45.816.955.520

Theo Nghị quyết của Hội đồng cổ đông thường niên số 01-2011/NQ-ĐHĐCĐ ngày 08/04/2011, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận của năm 2010 như sau:.

	Tỷ lệ	Số tiền
	(%)	VND
Kết quả kinh doanh sau thuế	100,00%	41.495.182.568
Thu nhập từ đánh giá lại các khoản mục có gốc ngoại tệ		223.025.649
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp để phân phối		41.272.156.919
Trích quỹ Dự phòng tài chính	5,00%	2.063.607.846
Trích quỹ Dự trữ bổ sung vốn điều lệ	5,00%	2.063.607.846
Trích quỹ Khen thưởng phúc lợi	2,00%	825.443.138
Chi trả cổ tức (tỷ lệ chi trả 3,5% vốn điều lệ)	84,67%	34.945.750.000
Lợi nhuận để lại chưa phân phối	3,33%	1.373.748.089

b) Cổ phiếu

	Cuối năm	Đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	100.000.000	100.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	100.000.000	100.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	100.000.000	100.000.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại	155.000	155.000
- Cổ phiếu phổ thông	155.000	155.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	99.845.000	99.845.000
- Cổ phiếu phổ thông	99.845.000	99.845.000
Mệnh giá cổ phiếu đã lưu hành (VND)	10.000	10.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN - HÀ NỘI

Tầng 1&3, Tòa nhà Trung tâm Hội nghị Công Đoàn,
Số 1 Yết Kiêu, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

21 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CHỨNG KHOÁN

	Năm 2011	Năm 2010
	VND	VND
Doanh thu hoạt động kinh doanh chứng khoán	225.902.054.093	337.939.190.575
Trong đó:		
- Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	8.266.049.010	19.200.923.464
- Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	81.680.256.888	217.116.791.607
- Doanh thu bảo lãnh phát hành chứng khoán	-	3.839.200.000
- Doanh thu đại lý phát hành chứng khoán	-	2.045.454.545
- Doanh thu hoạt động tư vấn	3.379.742.116	4.224.542.237
- Doanh thu hoạt động ủy thác đầu giá	111.890.266	35.217.895
- Doanh thu khác	132.464.115.813	91.477.060.827
Các khoản giảm trừ doanh thu	(17.342.004)	(319.407.889)
Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh	225.884.712.089	337.619.782.686

22 . CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CHỨNG KHOÁN

	Năm 2011	Năm 2010
	VND	VND
Chi phí hoạt động môi giới chứng khoán	1.340.559.227	2.806.189.911
Chi phí hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	252.907.300.398	111.316.254.088
Chi phí bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán	280.000.000	262.500.000
Chi phí hoạt động tư vấn	814.232.520	354.725.264
Chi phí hoạt động lưu ký chứng khoán	947.122.634	704.794.951
Chi phí dự phòng	94.873.988.836	60.601.456.403
Chi phí khác	80.017.599.805	49.675.263.957
Chi phí trực tiếp chung	30.879.230.812	25.222.118.764
- Chi phí nhân viên	12.897.645.820	10.313.975.651
- Chi phí vật liệu, công cụ dụng cụ	838.524.173	655.717.042
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.826.815.431	1.962.928.836
- Chi phí khác bằng tiền	13.316.245.388	12.289.497.235
	462.060.034.232	250.943.303.338

23 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2011	Năm 2010
	VND	VND
Chi phí nhân viên quản lý	16.744.710.693	18.657.518.516
Chi phí vật liệu, công cụ dụng cụ	1.187.058.601	1.086.729.684
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.624.130.039	3.082.642.063
Thuế, phí và lệ phí	50.606.448	283.226.333
Chi phí dự phòng	108.600.710.442	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.727.376.082	6.338.615.988
Chi phí khác bằng tiền	6.247.577.017	7.206.032.332
	145.182.169.322	36.654.764.916

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN - HÀ NỘI

Tầng 1&3, Tòa nhà Trung tâm Hội nghị Công Đoàn,
Số 1 Yết Kiêu, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

24 . THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Năm 2011	Năm 2010
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(381.460.681.253)	50.023.684.474
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	(40.525.539.393)	(15.909.676.850)
- Các khoản điều chỉnh tăng (chi phí không được trừ)	106.301.313	-
- Các khoản điều chỉnh giảm (cổ tức, lợi nhuận được chia)	(40.631.840.706)	(15.909.676.850)
Tổng thu nhập chịu thuế	(421.986.220.646)	34.114.007.624
Thu nhập tính thuế	(421.986.220.646)	34.114.007.624
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	25%	25%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	8.528.501.906
Thuế Thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu năm	(12.188.448.530)	17.139.860.582
Thuế Thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong năm	-	(37.856.811.018)
Thuế Thu nhập doanh nghiệp phải nộp cuối năm	(12.188.448.530)	(12.188.448.530)

25 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau :

	Năm 2011	Năm 2010
	VND	VND
Tổng lợi nhuận sau thuế	(381.460.681.253)	41.495.182.568
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(381.460.681.253)	41.495.182.568
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	99.845.000	80.791.393
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(3.821)	514

26 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN - HÀ NỘI

Tầng 1&3, Tòa nhà Trung tâm Hội nghị Công Đoàn,
Số 1 Yết Kiêu, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

25. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Báo cáo bộ phận chính yếu - Theo lĩnh vực kinh doanh:

	Môi giới và dịch vụ khách hàng		Tự doanh	Kinh doanh nguồn vốn		Tư vấn và bảo lãnh phát hành	Lĩnh vực khác		Cộng
	VND		VND	VND		VND	VND		VND
Doanh thu thuần từ cung cấp dịch vụ bên ngoài	43.893.517.508		79.918.345.556	99.021.019.565		3.379.876.048	319.669		226.213.078.346
Chi phí trực tiếp và chi phí phân bổ	148.159.213.099		351.852.438.130	81.850.610.962		8.658.948.170	17.152.549.238		607.673.759.599
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(104.265.695.591)		(271.934.092.574)	17.170.408.603		(5.279.072.122)	(17.152.229.569)		(381.460.681.253)
Tài sản bộ phận	426.746.257.368		444.119.830.140	137.242.449.209		351.500.000	-		1.008.460.036.717
Tài sản không phân bổ	-		-	-		-	168.034.080.217		168.034.080.217
Tổng tài sản	426.746.257.368		444.119.830.140	137.242.449.209		351.500.000	168.034.080.217		1.176.494.116.934
Nợ phải trả của các bộ phận	51.130.510.079		-	377.080.398.571		1.266.849.000	-		429.477.757.650
Nợ phải trả không phân bổ	-		-	-		-	3.725.019.682		3.725.019.682
Tổng nợ phải trả	51.130.510.079		-	377.080.398.571		1.266.849.000	3.725.019.682		433.202.777.332

Báo cáo bộ phận chính yếu - Theo lĩnh vực kinh doanh:

	Thành phố Hà Nội		Thành phố Hồ Chí Minh		Thành phố Đà Nẵng		Tổng	
	VND		VND		VND		VND	
Doanh thu thuần từ cung cấp dịch vụ bên ngoài	217.022.124.632		6.817.417.569		2.373.536.145		226.213.078.346	
Tài sản bộ phận	1.081.837.755.965		29.086.396.268		65.569.964.701		1.176.494.116.934	



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN - HÀ NỘI

Tầng 1&3, Tòa nhà Trung tâm Hội nghị Công Đoàn,
Số 1 Yết Kiêu, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

28 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010, đã được Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán (AASC) kiểm toán.

Một số chỉ tiêu đã được phân loại lại cho phù hợp để so sánh với số liệu năm nay.

	<u>Mã số</u>	<u>Phân loại và trình bày lại</u>	<u>Trình bày trên báo cáo năm trước</u>
		VND	VND
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ			
Tăng, giảm hàng tồn kho, chứng khoán đầu tư		(776.905.998.994)	(40.972.632)
Tiền chi mua chứng khoán, chi đầu tư góp vốn		-	(2.419.071.321.400)
Tiền thu hồi bán lại chứng khoán, thu hồi vốn góp		-	1.642.206.295.038



Trần Sỹ Tiến
Kế toán trưởng



Bùi Thị Minh Tâm
Phó Tổng Giám đốc

Lập, ngày 09 tháng 01 năm 2012

